CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 4 NĂM 2023

1. Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật

Điều 3 Thông tư này quy định về nội dung chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

"1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, toạ đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản.

2. Chi công tác phí cho các đoàn công tác thực hiện kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; kiểm tra tình hình thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản.

3. Chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản.

4. Chi lấy ý kiến chuyên gia: Trong các trường hợp sau đây thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức quyết định và chịu trách nhiệm việc lấy ý kiến chuyên gia:

a) Trường hợp văn bản được kiểm tra, rà soát thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp hoặc có dấu hiệu trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp;

b) Trường hợp dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo hệ thống hoá văn bản cần phải lấy ý kiến tư vấn của các chuyên gia.

5. Chi báo cáo (bao gồm cả báo cáo tổng hợp và báo cáo của từng bộ, ngành, tổ chức, cơ quan Nhà nước ở Trung ương, địa phương, đơn vị) bao gồm: Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hoá văn bản định kỳ 05 năm; báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản. Chi báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

6. Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo tại Khoản 5 Điều này (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp).

7. Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Chi kiểm tra văn bản quy định tại Khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hoá văn bản để thực hiện hệ thống hoá văn bản định kỳ (05 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát văn bản theo quyết định Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

9. Chi tổ chức đội ngũ cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản:

a) Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản; chi thù lao cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản theo hợp đồng khoán việc tính trên số lượng văn bản xin ý kiến;

b) Chi thanh toán công tác phí cho cộng tác viên tham gia đoàn kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực.

10. Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống văn bản theo quy định tại Khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

11. Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản theo quy định tại Điều 178 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP:

a) Chi rà soát, xác định văn bản, có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản.

b) Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý các thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị, sách báo, tạp chí.

12. Chi các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản.

13. Các nội dung chi khác liên quan trực tiếp đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản:

Chi tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản và đội ngũ cộng tác viên; chi sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản; chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản; chi làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm và một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hoá văn bản.”

Toàn văn Thông tư: https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=159630

2. Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ Quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức có hiệu lực từ ngày 10/4/2023

Điều 5 Nghị định này quy định về nội dung, hình thức và thời gian kiểm định, cụ thể như sau:

"1. Hình thức kiểm định: trắc nghiệm trên máy vi tính.

2. Nội dung kiểm định: đánh giá năng lực tư duy, năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tiễn; hiểu biết chung, cơ bản của thí sinh về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan Nhà nước; quản lý hành chính nhà nước; quyền, nghĩa vụ của công chức, đạo đức công vụ; kiến thức về xã hội, văn hoá, lịch sử.

3. Thời gian, số lượng câu hỏi kiểm định:

a) Kiểm tra chất lượng đầu vào đối với người tham gia thi tuyển vào vị trí việc làm có yêu cầu trình độ đại học trở lên: 120 phút, số lượng câu hỏi 100 câu.

b) Kiểm định chất lượng đầu vào đối với người tham gia thi tuyển vào vị trí việc làm có trình độ trung cấp, cao đẳng: 100 phút, số lượng câu hỏi 80 câu."

Toàn văn Nghị định: https://bientap.vbpl.vn//FileData/TW/Lists/vbpq/Attachments/159394/VanBanGoc_6_2023_ND-CP_quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20v%E1%BB%81%20ki%E1%BB%83m%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20ch%E1%BA%A5t%20l%C6%B0%E1%BB%A3ng%20%C4%91%E1%BA%A7u%20v%C3%A0o%20c%C3%B4ng%20ch%E1%BB%A9c.pdf

3. Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên có hiệu lực ngày 15/4/2023

Điều 6 Quy chế kèm theo Thông tư này quy định về chính sách khuyến khích đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, cụ thể như sau:

"1. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường chuyên được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của Chính phủ.
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường chuyên thuộc tỉnh), cơ sở giáo dục đại học (đối với trường chuyên thuộc cơ sở giáo dục đại học) căn cứ theo quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định chính sách bổ sung chế độ ưu đãi, khen thưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường chuyên đạt kết quả xuất sắc theo nhiệm vụ được giao.

2. Học sinh trường chuyên đạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa; cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế được xét cấp học bổng khuyến khích học tập và hưởng chế độ khen thưởng theo quy định.
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường chuyên thuộc tỉnh), cơ sở giáo dục đại học (đối với trường chuyên thuộc cơ sở giáo dục đại học) quyết định chính sách bổ sung chế độ học bổng, khen thưởng đối với học sinh đạt kết quả xuất sắc trong học tập, rèn luyện, có thành tích trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa; cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế.

3. Việc xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển vào cơ sở giáo dục đại học trong nước, cử đi đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài của học sinh trường chuyên được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo."

Toàn văn Thông tư: https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=159834

4. Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hoá có hiệu lực ngày 10/4/2023

Điều 5 Thông tư này quy định về tuyên truyền viên văn hoá; Mã số: V10.10.35, cụ thể như sau:

"1. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng kế hoạch hàng năm về công tác tuyên truyền được giao và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Trực tiếp biên soạn, thiết kế, trình bày các thể loại tin tức, tài liệu tuyên truyền; thực hiện tuyên truyền bằng tin tức, lời nói trực tiếp, thuyết minh, thuyết trình theo đề cương biên tập đã được duyệt;

c) Tham gia tổ chức, dàn dựng chương trình, tiết mục văn nghệ, tuyên truyền lưu động; trực tiếp biểu diễn các tiết mục văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị;

d) Tham gia thiết kế, dàn dựng các triển lãm, cổ động trực quan tại chỗ và lưu động; trực tiếp xây dựng đề cương tổng quát, đề cương chi tiết, biên tập, chú thích hình ảnh theo chủ đề, viết bài, thuyết minh nội dung triển lãm tại chỗ và lưu động.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động tuyên truyền;

b) Nắm được phương pháp tổ chức, hình thức hoạt động tuyên truyền;

c) Có hiểu biết về lịch sử, văn hóa, xã hội trên địa bàn được phân công quản lý;

d) Có kiến thức về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; có một trong các kỹ năng: Thuyết minh, thuyết trình, biểu diễn nhạc cụ, biểu diễn văn nghệ, hội họa, thiết kế, thi công cổ động trực quan hoặc các kỹ năng nghiệp vụ khác phù hợp với hình thức tuyên truyền;

đ) Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ;

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

4. Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa:

Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hoá trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh tuyên truyền viên văn hoá trung cấp tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng."

Toàn văn Thông tư: https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=159924

5. Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có hiệu lực ngày 15/4/2023

Toàn văn Quyết định: https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=159543